TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chánh Bổn và bà Nguyễn Thị Liệu

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn số 51/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15-5-2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1993

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1991

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Chổ ở hiện nay: Ấp H, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-12-2023, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Đ, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04-4-2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, chị N và anh L đã không còn sống chung với nhau từ năm 2022 đến nay. Nay chị N nhận thấy

không còn tình cảm với anh L nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu L.

Về con: Theo chị N, chị và anh L có 03 người con chung Nguyễn Hữu P, sinh ngày 28-7-2016; Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 19-01-2011 và Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 13-11-2017. Khi ly hôn chị N tự nguyện giao các con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo chị N, vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo chị N, vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa, nên chị N đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu L mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh L, kết quả xác minh như sau:

Chị N và anh L tự nguyện đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm rõ. Về con chung, vợ chồng có 03 con chung, hiện nay các con chung đều do anh L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Hữu L. Về con: Đề nghị giao các con chung Nguyễn Hữu P, sinh ngày 28-7-2016; Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 19-01-2011 và Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 13-11-2017 cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Hữu L, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Hữu L có nơi cư trú tại: ấp H, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh L, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L xác lập ngày 04-4-2011 (thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực). Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, áp dụng các điều khoản của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa N và anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã G, huyện Đ, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 04-4-2011. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[5] Nguyên đơn chị N yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng chị N, anh L đã không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng. Có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa chị N và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh L là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với bị đơn anh L, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn, nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, từ bỏ quyền của đương sự; điều này cũng thể hiện, anh L không mong muốn được hòa giải đoàn tụ gia đình với chị N.

[7] Về con chung: Chị N và anh L có 03 người con chung tên Nguyễn Hữu P, sinh ngày 28-7-2016; Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 19-01-2011 và Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 13-11-2017. Khi ly hôn, chị N tự nguyên giao các con chung cho anh L nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung, con chung sống cùng anh L, do anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để không xáo trộn đời sống của con trẻ cần tiếp tục giao các con chung cho anh L

trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không yêu cầu chị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: Chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 11, 89, 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Nguyễn Hữu L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Hữu L.

2. Về con: Giao các con chung Nguyễn Hữu P, sinh ngày 28-7-2016; Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 19-01-2011 và Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 13-11-2017 cho anh L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Kim N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0014094 ngày 10-01-2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, chị N đã nộp đủ án phí

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Gia Canh (GCNKH số 46/2011, ngày 04-4-2011) (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Phường